

NGHIÊN CỨU KỸ NĂNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN KẾ TOÁN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI TRONG MÔI TRƯỜNG HỌC TRỰC TUYẾN

RESEARCH ON THE SELF-STUDYING SKILLS OF ACCOUNTING STUDENTS OF HANOI UNIVERSITY OF INDUSTRY IN ONLINE SCHOOL ENVIRONMENT

Nguyễn Thị Thùy Linh¹, Nguyễn Thị Hương Diệu¹,
Nguyễn Thị Dung¹, Lê Thị Giang¹, Mai Mỹ Ly¹, Trần Thị Thùy Trang^{2,*}

TÓM TẮT

Bài báo nghiên cứu về kỹ năng tự học của sinh viên kế toán trường Đại học Công nghiệp Hà Nội trong môi trường học trực tuyến. Dựa trên phương pháp nghiên cứu tổng quan và lí luận, nhóm tác giả đã xây dựng mô hình nghiên cứu với 4 nhóm kỹ năng chủ đạo: Kỹ năng định hướng vấn đề tự học; Kỹ năng lập kế hoạch tự học; Kỹ năng sử dụng phương pháp tự học; Kỹ năng tự kiểm tra đánh giá hoạt động tự học. Từ đó, đưa ra khuyến nghị nhằm nâng cao kỹ năng tự học của sinh viên kế toán trường Đại học Công nghiệp Hà Nội phù hợp với điều kiện, môi trường học trực tuyến đã và đang được triển khai.

Từ khóa: Tự học, kỹ năng tự học, trực tuyến, kế toán, Đại học Công nghiệp Hà Nội.

ABSTRACT

Research article on self-study skills of accounting students of Hanoi University of Industry in an online learning environment. Based on the overview and reasoning research methodology, the authors built a research model with 4 key skill groups: Self-learning problem-oriented skills; Self-study planning skills; Skills in using self-learning methods; Self-testing skills evaluate self-study activity. Since then, making recommendations to improve the self-study skills of accounting students of Hanoi University of Industry in accordance with the conditions and online learning environment has been implemented.

Keywords: Self-study, self-study skills, online, accounting, Hanoi University of Industry.

¹Lớp ĐH Kế toán 03 - K12, Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

²Khoa kế toán- Kiểm toán, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

*Email: trantranghtttkt@gmail.com

1. GIỚI THIỆU

Trước yêu cầu cấp bách phải đổi mới chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng (CDIO) sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội nói chung và sinh viên khoa Kế toán - Kiểm toán cần có những tiếp cận, phương thức học tập đa dạng. Để học tập tốt thì ngoài việc hướng dẫn từ phía thầy cô, sinh viên cần nâng cao ý thức tự học, tự rèn luyện bản

thân. Đặc biệt là những môn học đào tạo theo chương trình CDIO, sinh viên phải giành gấp đôi thời gian để chuẩn bị bài trước khi lên lớp và phải tự học ở nhà để hoàn thành khối lượng bài tập được giao. Hơn nữa, để bắt kịp xu hướng đào tạo tích hợp trong thời gian sắp tới, sinh viên cần phải thành thạo môi trường học trực tuyến, làm quen với các bài giảng điện tử. Trong điều kiện học tập thay đổi như hiện nay, khi dịch bệnh Covid vẫn diễn biến phức tạp, sinh viên cần phải xây dựng cho mình kỹ năng tự học. Học trực tuyến đã trở thành phương thức học phổ biến đối với sinh viên của hầu hết các trường đại học cũng như đối với sinh viên ngành Kế toán, trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Tuy nhiên việc học trực tuyến lại chưa mang lại đầy đủ khối lượng kiến thức mà giảng viên mong muốn giảng dạy đến cho sinh viên và ngược lại sinh viên thiếu sự tương tác trực tiếp với giảng viên hơn so với việc học trực tiếp trên giảng đường. Điều này dẫn đến nhiều sinh viên xuất hiện những lỗ hổng kiến thức, cùng với đó chính việc học trực tuyến sẽ xảy ra vấn đề thiếu những kiến thức thực tế có thể áp dụng trong công việc khi ra trường. Chính vì vậy, vấn đề nâng cao kỹ năng tự học của sinh viên kế toán trường Đại học Công nghiệp Hà Nội trong điều kiện học trực tuyến là rất cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập, phân loại, tổng hợp và hệ thống hóa lý thuyết. Thông qua thu thập tài liệu theo mục tiêu nghiên cứu, nhóm tác giả đã đọc, phân loại, tổng hợp, các công trình nghiên cứu có liên quan để tìm ra khoảng trống nghiên cứu (khoảng trống về không gian, thời gian, nội dung) và mô hình nghiên cứu; Sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Các nội dung trong bảng hỏi được thiết kế dựa trên các công trình nghiên cứu trước và có điều chỉnh sau khi phỏng vấn trực tiếp từ các chuyên gia. Nhóm tác giả đã gửi phiếu khảo sát online cho đối tượng khảo sát: 50 sinh viên K12; 50 sinh viên K13 và 50 sinh viên K14 của Khoa Kế toán trường Đại học công nghiệp Hà Nội. Kết quả khảo sát thu được là

154/155 phiếu khảo sát trả lời online, đồng thời nhóm tác giả cũng đã tiến hành phỏng vấn và ghi âm trực tiếp các sinh viên K12 để tìm hiểu rõ hơn về các kỹ năng tự học được đưa ra. Kết quả khảo sát và phỏng vấn được xử lý thông qua công cụ SPSS và Excel nhằm tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng về kỹ năng tự học.

3. TỔNG QUAN VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

3.1. Tự học và kỹ năng tự học

Tự học là quá trình tự mình lĩnh hội tri thức khoa học và rèn luyện kỹ năng thực hành không có sự hướng dẫn của giáo viên và sự quản lý trực tiếp của cơ sở giáo dục đào tạo. (Hiển, B., Giao, N. V., Quỳnh, N. H., & Tào, 2001). Tự học là một quá trình tự bản thân người học phải động não, sử dụng các năng lực trí tuệ như: quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp, đánh giá... (Nguyễn Cảnh Toàn, 2002). Tự học là không ai bắt buộc mà tự hình thành, học hỏi để hiểu biết thêm. Có thầy hay không, ta không cần biết. Người tự học hoàn toàn làm chủ mình, muốn học môn nào tùy ý, muốn học lúc nào cũng được, đó mới là điều kiện quan trọng. (Nguyễn Hiến Lê, 1992).

Vậy tự học là sự tự giác, chủ động của người học trong quá trình lĩnh hội tri thức và tự giác tiến hành các hành động học tập như phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát, giao tiếp, thực hành, kiểm tra, đánh giá... để thực hiện có hiệu quả mục đích và nhiệm vụ học tập đề ra. Tự học của SV đại học mang đầy đủ các đặc điểm của tự học nói chung nhưng cũng phản ánh đặc trưng của hoạt động học tập ở đại học là tính tự giác cao và tính nghiên cứu vừa sức.

Kỹ năng tự học là những phương thức thể hiện hành động tự học thích hợp tương ứng với mục đích đề ra và hình thành khả năng vận dụng những tri thức, những kinh nghiệm để lựa chọn các phương pháp học đạt hiệu quả, khoa học, tiết kiệm thời gian. Theo ThS. Ngô Thế Lâm kỹ năng tự học của SV là khả năng thực hiện một cách có kết quả các hành động tự học, các thao tác tự học bằng cách lựa chọn và thực hiện các phương thức hành động phù hợp với hoàn cảnh nhất định nhằm đạt được mục đích nhiệm vụ học tập đặt ra.

Montaigne từng khuyên rằng: "Tốt hơn là ông thầy để cho học trò tự học, tự đi lên phía trước, nhận xét bước đi của họ, đồng thời giảm bớt tốc độ của thầy cho phù hợp với sức học của trò".

Đặc biệt nhà tâm lý học Mỹ Carl Roger (1974) trình bày chi tiết, tỉ mỉ với dẫn chứng minh họa và thực nghiệm về các phương pháp dạy học để hình thành KN tự học cho sinh viên (SV) như: cung cấp tài liệu, dùng bảng giao ước, chia nhóm dạy học, hướng dẫn cho người học cách nghiên cứu tài liệu, tự xem xét nguồn tài liệu, tự hoạch định mục tiêu, tự đánh giá việc học của mình.

Ngoài ra, A.A. Goroxepxki - M.I.Lubixowra (1987) cũng đánh giá cao vai trò tự học, kỹ năng tự học của sinh viên.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Ở giai đoạn gần đây, khi việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy, cũng như việc thay đổi phương pháp

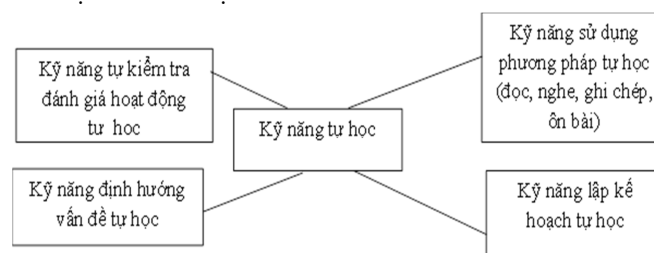
giảng dạy theo hướng tích cực, chủ động, thì hoạt động học của người học cũng cần thay đổi theo để đáp ứng mục tiêu của đào tạo. Theo Creswell, J. (2002) thì việc *lập kế hoạch học tập* cho sinh viên cần chi tiết trong đề cương môn học và phải đưa ra các yêu cầu chi tiết đối với môn học từ sinh viên.

Theo H. R. Kells (1980) tin chắc rằng quá trình tự học có thể được sử dụng hiệu quả dựa trên cơ sở để lập kế hoạch hiệu quả, cũng như trở thành động lực tạo ra sự thay đổi và cải tiến trong khuôn viên trường và thúc đẩy tăng cường năng lực học tập liên tục.

Theo C. J. Tack and A. J. M. Plasschaert (2006). Nhìn chung, sinh viên thích nghiên cứu các vấn đề y tế theo định hướng tình huống hơn so với giáo dục truyền thống, cho phép họ tiếp cận sâu hơn một vấn đề cụ thể. Các sinh viên cho rằng phương pháp tiếp cận theo *định hướng vấn đề* là một mô hình phù hợp để xử lý các vấn đề y tế trong thực hành nha khoa.

Theo Treolar C, McCall N, Rolf I, Pearson SA, Garvey G, Heathcote (2000) thì kết quả cho thấy rằng các biện pháp can thiệp nhằm giảm bớt các rào cản đối với sự tiến bộ cần phải thúc đẩy sự tự tin, động lực và sự tham gia sau đó của học sinh vào các cơ hội học tập khóa học. Những kết quả này có thể áp dụng cho các khóa *học dựa trên vấn đề* khác, đặc biệt là những khóa học phải đối mặt với thách thức cung cấp một môi trường học tập tối ưu cho sinh viên từ nhiều nguồn gốc khác nhau.

Theo Rohlin M, Petersson K, Svenska`ter G (1998), thì học sinh được khuyến khích xây dựng kiến thức, hiểu biết và kỹ năng trong bối cảnh của những gì họ đã học, đặc biệt là sinh viên được nghiên cứu dựa trên vấn đề thông qua hoạt động thí nghiệm lâm sàng. Việc trong các cuộc hội thảo, sinh viên nhận được phản hồi xây dựng sự tự tin, một trong những yêu cầu đối với người lớn học tập hiệu quả. Thứ hai, trình diễn về mức độ phát triển khái niệm và những quan niệm sai lầm mà học sinh nắm giữ có thể được sử dụng một cách hiệu quả trong *lập kế hoạch chương trình giảng dạy* Ramsden P (1989) không ủng hộ quan điểm cho rằng khuyến khích sinh viên dành nhiều thời gian hơn cho việc học tập nhất thiết sẽ tăng thành tích học tập của họ. Thay vì chỉ đơn giản là đầu tư nhiều thời gian hơn cho việc học, sinh viên được khuyến khích nỗ lực để trở thành những người sử dụng có năng lực của một loạt các kỹ năng học tập, đặc biệt là những kỹ năng có tính chất sâu sắc hoặc phức tạp, và để thực hiện những nhận định sáng suốt về kỹ năng học tập nào là phù hợp nhất với mục đích của họ.



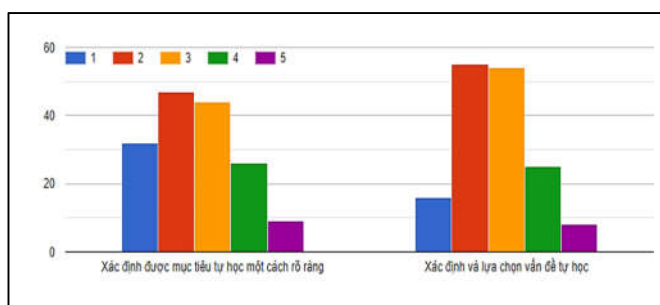
Hình 1. Mô hình nghiên cứu

Khi tìm hiểu tổng quan tài liệu nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn và xây dựng được mô hình nghiên cứu (hình 1) với 4 nhóm kỹ năng chủ đạo: Kỹ năng định hướng vấn đề tự học; Kỹ năng lập kế hoạch tự học; Kỹ năng sử dụng phương pháp tự học; Kỹ năng tự kiểm tra đánh giá hoạt động tự học.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Kỹ năng định hướng vấn đề tự học

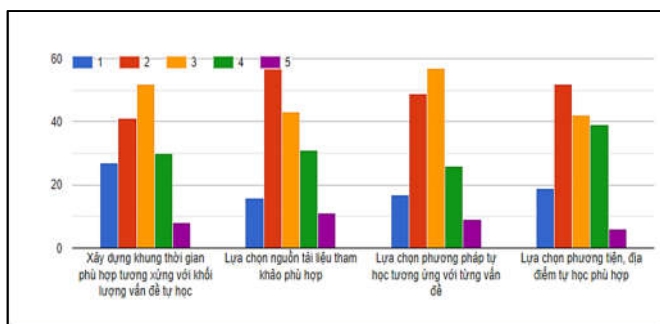
Thực trạng cho thấy kỹ năng định hướng vấn đề tự học của sinh viên kế toán hiện nay là khá tốt. Căn cứ vào kết quả thì cả hai biến khảo sát đều <3, như sinh viên đã có ý thức và xác định được vấn đề tự học thông qua việc xác định được mục tiêu tự học một cách rõ ràng, đồng thời đã tương đối xác định và lựa chọn vấn đề tự học khá chắc chắn.



Hình 2. Kỹ năng định hướng về vấn đề tự học

Mặt khác, theo hình 2, nhiều sinh viên đã định hướng được vấn đề tự học bằng cách xác định được mục tiêu học một cách rõ ràng ở mức độ thường xuyên chiếm 45/154 sinh viên, tương ứng 29.2%. Sinh viên đã đa số nhận thức được xác định được mục tiêu học một cách rõ ràng cho mình. Tuy nhiên, số sinh viên thi thoảng và hầu như không xác định được mục tiêu học một cách rõ ràng cũng chiếm số đông trong số lượng sinh viên khảo sát (43 sinh viên thỉnh thoảng chiếm 27,9%, 25 sinh viên hầu như không chiếm 16,2%). Sinh viên thường xuyên và rất thường xuyên xác định và lựa chọn vấn đề tự học chiếm số đông trong số lượng sinh viên khảo sát (16 sinh viên rất thường xuyên chiếm 10,4%, 53 sinh viên thường xuyên chiếm 34,4%). Tuy nhiên, mức độ thỉnh thoảng (35,1%), hầu như không và có cả không bao giờ (20%) khi xác định và lựa chọn vấn đề tự học.

4.2. Kỹ năng lập kế hoạch tự học



Hình 3. Kỹ năng lập kế hoạch tự học

Đa số sinh viên đã rèn luyện và nhận thức được Kỹ năng lập kế hoạch tự học. Nhóm nghiên cứu thấy rằng cả 4 biến

khảo sát đều < 3, thể hiện sinh viên đã tự mình trải qua những hoạt động như: xây dựng khung thời gian, lựa chọn nguồn tài liệu tham khảo, lựa chọn phương pháp tự học, hay phương tiện, địa điểm tự học tại phòng trọ hay trên thư viện, ký túc xá.

Tuy nhiên, khi xem xét và tính toán chi tiết từng biến cụ thể thì thực trạng số lượng sinh viên có kỹ năng lập kế hoạch tự học bằng cách (hình 3):

+ Xây dựng khung thời gian phù hợp tương ứng với khối lượng vấn đề tự học chiếm mức độ thỉnh thoảng là đa số chiếm 51/154 sinh viên (33,1%). Sinh viên đa số chưa nhận thức được xây dựng khung thời gian phù hợp tương ứng với khối lượng vấn đề tự học cho mình. Số sinh viên thường xuyên và rất thường xuyên xây dựng khung thời gian phù hợp tương ứng với khối lượng vấn đề tự học chiếm số đông trong số lượng sinh viên khảo sát (26 sinh viên rất thường xuyên chiếm 16,9%, 40 sinh viên thường xuyên chiếm 26%, %); 37 sinh viên hầu như không và không bao giờ thực hiện điều này.

+ Lựa chọn nguồn tài liệu tham khảo phù hợp chiếm mức độ thường xuyên chiếm 55/154 sinh viên (35,7%). Sinh viên đa số đã nhận thức được lập kế hoạch tự học bằng cách lựa chọn nguồn tài liệu tham khảo phù hợp cho mình. Bên cạnh đó vẫn tồn tại số đông sinh viên chưa nhận thức được vấn đề này (42 sinh viên chiếm 27,3%, 30 sinh viên hầu như không chiếm 19,5%).

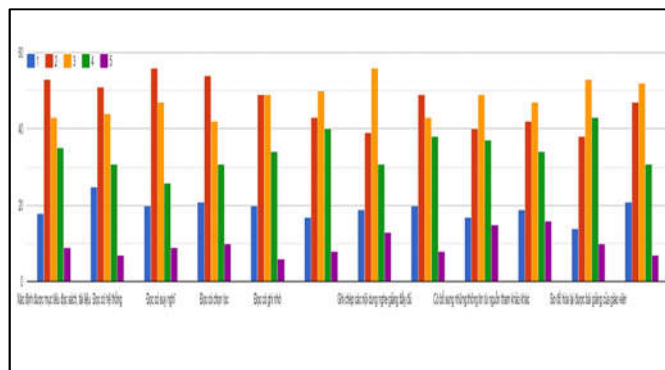
+ Lựa chọn phương pháp tự học tương ứng với từng vấn đề ở mức độ thỉnh thoảng là đa số chiếm 57/154 sinh viên (37%); nhưng số sinh viên thường xuyên và rất thường xuyên lựa chọn phương pháp tự học tương ứng với từng vấn đề cũng chiếm số đông trong số lượng sinh viên khảo sát (16 sinh viên rất thường xuyên chiếm 10,4%, 48 sinh viên thường xuyên chiếm 31,2%); 33 sinh viên hầu như không và không bao giờ thực hiện điều này chiếm 21%. Sinh viên đa số chưa nhận thức được lựa chọn phương pháp tự học tương ứng với từng vấn đề.

+ Lựa chọn phương tiện, địa điểm tự học phù hợp chiếm mức độ thỉnh thoảng là đa số chiếm 51/154 sinh viên (33,1%). Sinh viên đa số chưa nhận thức được lựa chọn phương tiện, địa điểm tự học phù hợp cho mình nên vẫn còn thỉnh thoảng mới xác định công việc này nhưng số sinh viên thường xuyên và rất thường xuyên lựa chọn phương tiện, địa điểm tự học phù hợp cũng chiếm số đông trong số lượng sinh viên khảo sát (41 sinh viên thỉnh thoảng chiếm 26,6%, 38 sinh viên hầu như không chiếm 24,7%).

4.3. Kỹ năng sử dụng phương pháp tự học

Thực trạng cho thấy "Kỹ năng sử dụng phương pháp tự học" của sinh viên đã đa số đã rèn luyện và nhận thức được kỹ năng này. Nhóm nghiên cứu thấy rằng cả 12 biến khảo sát đều < 3 thể hiện sinh viên đã tự mình trải qua những hoạt động như: Xác định được mục tiêu đọc sách, tài liệu, xác định được các kỹ năng đọc, có thể hình dung được câu trả lời của giáo viên, ghi chép các nội dung nghe giảng

đầy đủ, có xem lại bài ghi, bổ sung những thông tin từ nguồn tham khảo, có xây dựng sơ đồ và có chú thích bằng các ký hiệu đặc biệt, làm bài tập đầy đủ...



Hình 4. Biểu đồ Kỹ năng sử dụng phương pháp tự học

Căn cứ vào dữ liệu qua biểu đồ mô tả trên, kỹ năng sử dụng phương pháp tự học được đánh giá như sau:

Về kỹ năng xác định mục tiêu đọc sách, đọc tài liệu: Thực trạng cho thấy kỹ năng sử dụng phương pháp tự học bằng cách xác định được mục tiêu đọc sách, tài liệu ở mức độ thường xuyên là đa số chiếm 52/154 sinh viên (33,8%). Sinh viên đa số đã nhận thức được lập kế hoạch tự học bằng cách xác định được mục tiêu đọc sách, tài liệu cho mình nhưng cũng tồn tại số đông sinh viên chưa nhận thức được vấn đề này (42 sinh viên thỉnh thoảng chiếm 27,3%, 34 sinh viên hầu như không chiếm 22,1%)

Về kỹ năng đọc sách: Kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên đã hình thành các kỹ năng đọc sách như: đọc có hệ thống, đọc có suy nghĩ, ghi nhớ. Tuy nhiên, khi xem xét từng tiêu thức cụ thể thì vẫn còn tồn tại khá nhiều sinh viên chưa thực hiện tốt kỹ năng đọc sách, cụ thể như sau:

Kỹ năng đọc một cách có hệ thống ở mức rất thường xuyên khoảng 15,6% (24/154) và thường xuyên là 50/154 tương ứng 32,5%. Tuy nhiên cũng còn khá nhiều sinh viên thì cho rằng việc đọc một cách có hệ thống chỉ diễn ra: thỉnh thoảng (43/154 tương ứng 27,9%), hầu như không (30/154 tương ứng 19,5%), còn có sinh viên cho rằng không bao giờ (7/154 tương ứng 4,5%).

Kỹ năng đọc có suy nghĩ ở mức độ thường xuyên chiếm đa số là 55/154 sinh viên tương ứng 35,7%. Sinh viên đa số đã hình thành được kỹ năng đọc sách bằng cách có suy nghĩ, nhưng cũng tồn tại số đông sinh viên chưa nhận thức và hình thành được kỹ năng này (47/154 tương ứng 30,5%), 24 sinh viên hầu như không chiếm 15,6%.

Kỹ năng đọc có chọn lọc ở mức độ thường xuyên chiếm 53/154 tương ứng 34,4%. Sinh viên đa số đã nhận thức và hình thành kỹ năng đọc có chọn lọc cho mình nhưng cũng tồn tại số đông sinh viên chưa nhận thức được vấn đề này (41/154 sinh viên tương ứng 26,6%), còn lại 30 sinh viên thì hầu như không chiếm 19,5%.

Kỹ năng đọc có ghi nhớ ở mức độ thỉnh thoảng chiếm đa số là 49/154 tương ứng 31,8%. Như vậy, sinh viên đa số chưa nhận thức được kỹ năng đọc sách bằng cách đọc có

ghi nhớ cho mình nên vẫn còn thỉnh thoảng mới xác định công việc này. Tuy nhiên, mức độ rất thường xuyên sử dụng kỹ năng đọc có ghi nhớ còn chiếm tỷ lệ ít là 19/154 sinh viên tương ứng 12,3%; mức độ thường xuyên là khá cao (48/154 sinh viên, chiếm 31,2%); tuy nhiên vẫn còn 38/154 sinh viên cho rằng việc đọc có ghi nhớ là hầu như không bao giờ họ có thể đạt được khi đọc giáo trình hoặc đọc nội dung kiến thức nào đó.

Về kỹ năng có thể hình dung được câu trả lời của giáo viên về bài học: Mức độ thỉnh thoảng là đa số (49/158 sinh viên tương ứng là 31,0%). Sinh viên đa số chưa thể hình dung trước được câu trả lời của giáo viên về bài học một cách dễ dàng khi nghe giảng, tỷ lệ sinh viên cho rằng rất thường xuyên có thể hình dung trước được câu trả lời của giáo viên về bài học là ít chiếm 11% (17/154 sinh viên), nhưng số sinh viên thường xuyên lại chiếm tỷ lệ khá cao chiếm 26,6% (41/154 sinh viên); tuy nhiên vẫn còn 47/154 sinh viên cho rằng việc hình dung được câu trả lời của giáo viên về bài học là hầu như không bao giờ họ có thể đạt được khi được đặt câu hỏi từ phía giáo viên.

Kỹ năng ghi chép các nội dung nghe giảng một cách đầy đủ: Kỹ năng sử dụng phương pháp tự học bằng cách ghi chép các nội dung nghe giảng đầy đủ chiếm mức độ thỉnh thoảng là đa số chiếm 55/158 sinh viên (35,0%). Sinh viên đa số chưa nhận thức được kỹ năng sử dụng phương pháp tự học bằng cách ghi chép các nội dung nghe giảng đầy đủ cho mình nên thỉnh thoảng mới xác định công việc này, nhưng số sinh viên thường xuyên và rất thường xuyên sử dụng kỹ năng này lại chiếm số đông trong số lượng sinh viên khảo sát (18 sinh viên rất thường xuyên chiếm 11,4%, 38 sinh viên thường xuyên chiếm 24,1%). Vẫn còn khá nhiều sinh viên hầu như không và không bao giờ thực hiện hoạt động này chiếm khoảng 43/154 sinh viên, chiếm tỷ lệ 28%.

Kỹ năng xem lại bài ghi: Kỹ năng sử dụng phương pháp tự học bằng cách có xem lại bài ghi chiếm mức độ thường xuyên là đa số chiếm 47/158 sinh viên (30,0%). Sinh viên đa số đã nhận thức được lập kế hoạch tự học bằng cách có xem lại bài ghi cho mình nhưng cũng tồn tại số đông sinh viên chưa nhận thức được vấn đề này (42 sinh viên thỉnh thoảng chiếm 27,0%, 37 sinh viên hầu như không chiếm 24%)

Kỹ năng bổ sung những thông tin từ nguồn tham khảo khác: Kỹ năng sử dụng phương pháp tự học bằng cách có bổ sung những thông tin từ nguồn tham khảo khác ở mức thỉnh thoảng là đa số (49/158 sinh viên chiếm 31,0%). Sinh viên đa số chưa để ý tới việc cần thiết phải bổ sung thông tin nghiên cứu từ các nguồn tài liệu khác, trong khi đó tỷ lệ số sinh viên thường xuyên và rất thường xuyên sử dụng phương pháp tự học bằng cách có bổ sung những thông tin từ nguồn tham khảo khác khi học online như: các trang web, các diễn đàn... cũng chiếm khá lớn trong số lượng sinh viên khảo sát (17 sinh viên rất thường xuyên chiếm 11%, 38 sinh viên thường xuyên chiếm 24,1%). Vẫn còn khá nhiều sinh viên hầu như không và không bao giờ thực hiện hoạt động này chiếm khoảng 59/154 sinh viên, chiếm tỷ lệ 38%.

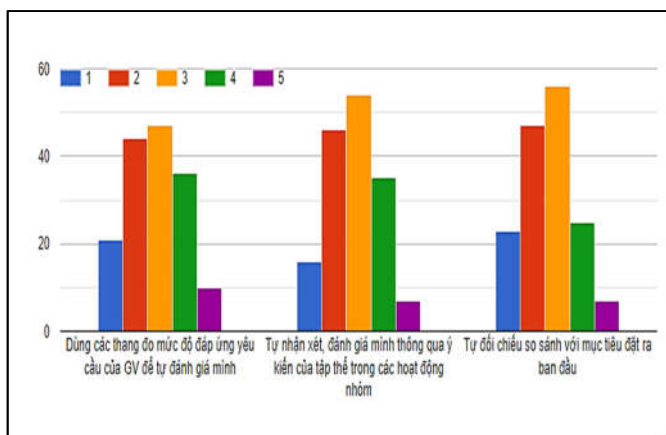
Kỹ năng có chú thích bằng các ký hiệu đặc biệt: Tỷ lệ sinh viên thực hiện kỹ năng này ở mức độ thỉnh thoảng (45/154 sinh viên, tương ứng 29,2%), mức độ thường xuyên 41/154 sinh viên chiếm 26,6%, mức độ rất thường xuyên là 19/154 sinh viên chiếm 12,3%, hầu như không và không bao giờ chiếm 49/154 sinh viên chiếm 32%. Như vậy, sinh viên đa số chưa nhận thức được kỹ năng có chú thích bằng các ký hiệu đặc biệt cho mình nên còn thỉnh thoảng mới xác định công việc này.

Kỹ năng sơ đồ hóa bài học: Việc sử dụng phương pháp tự học thông qua hoạt động sơ đồ hóa bài học (tóm tắt bài học bằng các sơ đồ tư duy) thì hầu như sinh viên hiện nay không biết đến dùng kỹ năng sơ đồ hóa bài học để tự học, trong đó mức độ hầu như không là 10/154 sinh viên chiếm 6%, còn lại không bao giờ làm hoạt động này chiếm 144/154 sinh viên chiếm 94%.

Kỹ năng làm bài tập đầy đủ: Việc sử dụng phương pháp tự học thông qua hoạt động làm bài tập đầy đủ hiện nay chỉ ở mức độ thỉnh thoảng chiếm 52/158 sinh viên với 33,8%. Sinh viên đa số chưa thực hiện và nhận thức được việc làm bài tập đầy đủ cho mình có ý nghĩa như thế nào trong việc củng cố và vận dụng kiến thức, nên thỉnh thoảng mới xác định công việc này; Tuy nhiên, số sinh viên thường xuyên và rất thường xuyên làm bài tập đầy đủ trong quá trình học online cũng chiếm số đông trong số lượng sinh viên khảo sát (20 sinh viên rất thường xuyên chiếm 13%, 46 sinh viên thường xuyên chiếm 29,9%). Vẫn còn khá nhiều sinh viên hầu như không và không bao giờ thực hiện hoạt động này chiếm khoảng 36/154 sinh viên, chiếm tỷ lệ 23%.

4.4. Kỹ năng tự kiểm tra đánh giá hoạt động tự học

Thực trạng cho thấy kỹ năng “tự kiểm tra đánh giá hoạt động tự học” của các sinh viên đã đa số đã rèn luyện và nhận thức được kỹ năng này. Nhóm nghiên cứu thấy rằng cả 3 biến khảo sát đều < 3 thể hiện sinh viên đã tự mình đánh giá qua những hoạt động như: dùng các thang đo mức độ đáp ứng yêu cầu của GV để tự đánh giá mình, tự nhận xét, đánh giá mình thông qua ý kiến của tập thể trong các hoạt động nhóm, tự đối chiếu so sánh với mục tiêu đặt ra ban đầu.



Hình 5. Biểu đồ Kỹ năng tự kiểm tra đánh giá hoạt động tự học

Từ kết quả ở biểu đồ hình 5 cho thấy được thực trạng số lượng sinh viên có kỹ năng tự kiểm tra đánh giá hoạt động tự học bằng cách dùng các thang đo mức độ đáp ứng yêu cầu của GV để tự đánh giá mình chiếm mức độ thỉnh thoảng là đa số chiếm 46/158 sinh viên (29,9%). Sinh viên đa số chưa nhận thức được kỹ năng tự kiểm tra đánh giá hoạt động tự học bằng cách dùng các thang đo mức độ đáp ứng yêu cầu của GV để tự đánh giá mình cho mình nên vẫn còn thỉnh thoảng mới xác định công việc này nhưng số sinh viên thường xuyên và rất thường xuyên sử dụng phương pháp tự học bằng cách dùng các thang đo mức độ đáp ứng yêu cầu của GV để tự đánh giá mình cũng chiếm số đông trong số lượng sinh viên khảo sát (20 sinh viên rất thường xuyên chiếm 13%, 43 sinh viên thường xuyên chiếm 27,9%).

Từ kết quả hình 5 cho thấy được thực trạng số lượng sinh viên có kỹ năng tự kiểm tra đánh giá hoạt động tự học bằng cách tự nhận xét, đánh giá mình thông qua ý kiến của tập thể trong các hoạt động nhóm chiếm mức độ thỉnh thoảng là đa số chiếm 53/158 sinh viên (34,4%). Sinh viên đa số chưa nhận thức được kỹ năng tự kiểm tra đánh giá hoạt động tự học bằng cách tự nhận xét, đánh giá mình thông qua ý kiến của tập thể trong các hoạt động nhóm cho mình nên vẫn còn thỉnh thoảng mới xác định công việc này nhưng số sinh viên thường xuyên và rất thường xuyên sử dụng phương pháp tự học bằng cách tự nhận xét, đánh giá mình thông qua ý kiến của tập thể trong các hoạt động nhóm cũng chiếm số đông trong số lượng sinh viên khảo sát (16 sinh viên rất thường xuyên chiếm 10,4%, 44 sinh viên thường xuyên chiếm 28,6%).

Từ kết quả cho thấy thực trạng số lượng sinh viên có kỹ năng tự kiểm tra đánh giá hoạt động tự học bằng cách Tự đối chiếu so sánh với mục tiêu đặt ra ban đầu chiếm mức độ thỉnh thoảng là đa số chiếm 55/158 sinh viên (35,7%). Sinh viên đa số chưa nhận thức được kỹ năng tự kiểm tra đánh giá hoạt động tự học bằng cách tự đối chiếu so sánh với mục tiêu đặt ra ban đầu cho mình nên vẫn còn thỉnh thoảng mới xác định công việc này nhưng số sinh viên thường xuyên và rất thường xuyên sử dụng phương pháp tự học bằng cách tự đối chiếu so sánh với mục tiêu đặt ra ban đầu cũng chiếm số đông trong số lượng sinh viên khảo sát (23 sinh viên rất thường xuyên chiếm 14,9%, 45 sinh viên thường xuyên chiếm 29,2%).

Bảng 1. Kỹ năng tự học của sinh viên kế toán trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Kỹ năng tự học	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
1. Kỹ năng định hướng vấn đề tự học					
+ Xác định được mục tiêu tự học một cách rõ ràng	154	1	5	2,57	1,160
+ Xác định và lựa chọn vấn đề tự học	154	1	5	2,70	1,017

2. Kỹ năng lập kế hoạch tự học					
+ Xây dựng khung thời gian phù hợp tương xứng với khối lượng vấn đề tự học	154	1	5	2,69	1,116
+ Lựa chọn nguồn tài liệu tham khảo phù hợp	154	1	5	2,77	1,100
+ Lựa chọn phương pháp tự học tương ứng với từng vấn đề	154	1	5	2,75	1,031
+ Lựa chọn phương tiện, địa điểm tự học phù hợp	154	1	5	2,76	1,073
3. Kỹ năng sử dụng phương pháp tự học					
+ Xác định được mục tiêu đọc sách, tài liệu	154	1	5	2,78	1,092
+ Đọc có hệ thống	154	1	5	2,65	1,100
+ Đọc có suy nghĩ	154	1	5	2,67	1,067
+ Đọc có chọn lọc	154	1	5	2,72	1,117
+ Đọc có ghi nhớ	154	1	5	2,73	1,050
+ Có thể hình dung được câu trả lời của giáo viên về bài học	154	1	5	2,87	1,077
+ Ghi chép các nội dung nghe giảng đầy đủ	154	1	5	2,88	1,114
+ Có xem lại bài ghi	154	1	5	2,78	1,110
+ Có bổ sung những thông tin từ nguồn tham khảo khác	154	1	5	2,95	1,145
+ Có chú thích bằng các ký hiệu đặc biệt	154	1	5	4,91	1,179
+ Sơ đồ hóa lại được bài giảng của giáo viên	154	1	5	2,98	1,069
+ Làm bài tập đầy đủ	154	1	5	2,72	1,057
4. Kỹ năng tự kiểm tra đánh giá hoạt động tự học					
Dùng các thang đo mức độ đáp ứng yêu cầu của GV để tự đánh giá mình	154	1	5	2,82	1,123
Tự nhận xét, đánh giá mình thông qua ý kiến của tập thể trong các hoạt động nhóm	154	1	5	2,82	1,038
Tự đối chiếu so sánh với mục tiêu đặt ra ban đầu	154	1	5	2,66	1,056

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả chạy SPSS)

5. KHUYẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Hoạt động tự học của sinh viên là quan trọng và thiết yếu, trong phương thức đào tạo trực tuyến. Để nâng cao và thúc đẩy hơn nữa năng lực tự học của sinh viên khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, cần thực hiện đồng bộ hàng loạt các giải pháp từ phía bản thân sinh viên và phía giảng viên, Nhà trường, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, gia đình và xã hội, trong đó bản thân sinh viên giữ vai trò quyết định.

Cần có nhận thức đúng, rõ ràng về mục đích, động cơ học tập.

Người học phải xác định rõ ràng là học để có tri thức và kỹ năng phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp, hoạt động thực tiễn và cuộc sống sau này; đồng thời học ở bậc đại học, nhất là trong môi trường học trực tuyến thì tự học là một yêu cầu bắt buộc và đòi hỏi ở mức cao, thiếu nó quá trình học tập khó có thể đạt được kết quả tốt. Từ nhận thức như vậy người học mới có tinh thần tích cực đối với hoạt động tự học và do đó, mới có ý thức thường xuyên nâng cao năng lực tự học của bản thân.

Phải hình thành thói quen học tập tích cực

Việc hình thành thói quen học tập tích cực là rất quan trọng, nó giúp cho quá trình học tập, đặc biệt là tự học diễn ra liên tục và lâu dài. Để có được một thói quen tự học tốt, sinh viên cần: học có chọn lọc, học có đam mê và học có quá trình.

Rèn luyện kỹ năng tự học với các phương pháp học tập hiệu quả.

Trước hết, cần nhận thức rõ ràng để có được kỹ năng tự học tốt, sinh viên cần được trang bị và thực hành tốt các phương pháp học tập cần thiết như: phương pháp tìm tài liệu; đọc tài liệu (đọc lướt, đọc kỹ, đọc nhanh); ghi chép (các loại ghi chép: đề cương, trích dẫn, tóm tắt, theo phích, tự do cùng với các quy tắc trong ghi chép); nghe giảng; sơ đồ hóa kiến thức; học với giáo trình; học với phương tiện dạy học (các phương tiện nghe, nhìn, tính toán...); học qua việc hỏi và đặt câu hỏi; học qua việc hợp tác với thầy và bạn; học thông qua xêmina; học trên thư viện; học thông qua nghiên cứu khoa học; học khi đi thực tập, thực tế;...Cùng với đó là các phương pháp ghi nhớ thông tin, diễn đạt ý kiến, viết các đoạn văn khoa học; các phương pháp tự kiểm tra, đánh giá;... Đồng thời, sinh viên cũng cần được trang bị và thực hiện tốt các kỹ năng mềm như kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề,...

Lập kế hoạch học tập hợp lý, chăm sóc và rèn luyện não bộ.

Để năng lực tự học được duy trì và phát triển, vấn đề sức khỏe của người học cần được đảm bảo. Điều này đòi hỏi sinh viên phải biết lập kế hoạch, phân bổ và quản lý thời gian hợp lý, khoa học, hiệu quả cho công việc học tập bên cạnh các hoạt động cá nhân cũng như kết hợp với thư giãn tinh thần; thường xuyên luyện tập cơ thể, thực hiện lối sống lành mạnh, tích cực. Mặt khác, nên tăng cường bồi

dưỡng và rèn luyện não bộ để não bộ thường xuyên ở trạng thái khỏe mạnh và hưng phấn, duy trì tâm trạng tốt, hứng thú, say mê với hoạt động tự học, tự nghiên cứu.

Giảng viên là nhân tố rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới việc hình thành và phát triển năng lực tự học của sinh viên. Vì thế, nhóm giải pháp này đề cập những nội dung làm tăng hiệu quả quá trình tương tác giữa thầy và trò, nhờ đó giảng viên không chỉ mang đến cho sinh viên kiến thức mà còn cả động lực và phương pháp phù hợp để họ học hỏi và áp dụng trong quá trình nâng cao năng lực tự học của bản thân. Cụ thể các giải pháp này như sau:

Do đó, giảng viên phải thường xuyên nâng cao chất lượng bài giảng, thể hiện ở nội dung học thuật và tính cập nhật của kiến thức chuyên môn cũng như thực tiễn.

Áp dụng tốt các phương pháp giảng dạy tích cực, phù hợp với đặc thù môn học và khai thác có hiệu quả các phương tiện giảng dạy hiện đại. Thực tiễn giảng dạy cho thấy, đối với các ngành thuộc khoa học xã hội, để giờ giảng đạt được hiệu quả và góp phần nâng cao năng lực tự học của sinh viên, phải sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp như: thuyết trình, nêu vấn đề, gợi mở, tạo tình huống, người học cùng tham gia,...

Tăng cường tổ chức cho sinh viên thảo luận, đảm bảo đủ thời lượng theo quy định. Đây là một hình thức dạy và học tích cực thông qua trao đổi, chất vấn, đối thoại giữa giảng viên với sinh viên, giữa sinh viên với sinh viên, qua đó giúp sinh viên nắm kiến thức lý thuyết và thực tiễn của môn học tốt hơn, nhất là buộc sinh viên phải tăng cường hoạt động tự học, tự nghiên cứu để phục vụ cho việc thảo luận.

Tích cực hướng dẫn sinh viên viết tiểu luận môn học, làm các bài tập lớn. Hình thức này có tác dụng giúp sinh viên làm quen với nghiên cứu khoa học, hiểu sâu hơn những vấn đề cơ bản của môn học, bước đầu biết gắn lý luận với thực tiễn, góp phần rèn luyện kỹ năng viết của sinh viên. Để làm tiểu luận và các bài tập lớn, sinh viên phải thu thập và xử lý thông tin, phải đọc, phải viết, nghĩa là phải sử dụng các phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học, qua đó góp phần nâng cao năng lực tự học.

Thông qua hoạt động giảng dạy, giảng viên cần làm cho sinh viên có nhận thức đúng về vai trò to lớn của hoạt động tự học, tự nghiên cứu và truyền đam mê cho họ. Đồng thời, chủ động và tích cực hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu, đây là một nhiệm vụ mà giảng viên phải thực hiện khi áp dụng đào tạo theo tín chỉ.

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo quá trình, gồm đánh giá việc học tập trên lớp và thông qua các bài thi, kiểm tra, tiểu luận. Dù thi dưới hình thức nào thì trong đề thi, để kiểm tra luôn có 2 phần: kiến thức môn học và liên hệ, vận dụng vào thực tiễn. Theo đó, khi đánh giá bài thi, bài kiểm tra, không dừng lại ở việc xem xét mức độ thuộc bài của người học, mà phải nhìn nhận và đánh giá cao sự hiểu biết bản chất vấn đề, năng lực tư duy và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, nhất là những kiến thức mà người học có được nhờ việc tự học, tự nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Carl Roger, 1974. *Phương pháp dạy và học hiệu quả*.
- [2]. A.A. Goroxepxki - M.I.Lubixowra, 1987. *Tổ chức công việc tự học của sinh viên đại học*. NXB ĐHSP Hà Nội.
- [3]. H. R. Kells, 1980. *Commentary: The Purposes and Legacy of Effective SelfStudy Processes: Enhancing the Study-Planning Cycle*, The Journal of Higher Education, 51:4, 439-447, DOI: 10.1080/00221546.1980.11780083.
- [4]. C. J. Tack, A. J. M. Plasschaert, 2006. *Student evaluation of a problem-oriented module of clinical medicine within a revised dental curriculum*. Eur J Dent Educ 2006; 10: 96–102 All rights reserved
- [5]. Treolar C, McCall N, Rolf I, Pearson SA, Garvey G, Heathcote, 2000. *Factors affecting progress of Australian international students in a problem-based learning medical course*. Med Educ, page 708–715
- [6]. Rohlin M, Petersson K, Svenska"ter G, 1998, *The Malmo" model: a problem-based learning curriculum in undergraduate dental education*. Eur J Dent Educ, pages: 103–114
- [7]. Ramsden P, 1989. *What does it take to improve medical students' learning?* In: Balla JI, Gibson M, Chang AM (eds). *Learning in medical school a model for the clinical professions*. Hong Kong: Hong Kong University Press, page: 133-147..
- [8]. Nola Purdie, John Hattie, 1999. *The Relationship between Study Skills and Learning Outcomes: A Meta-Analysis*. Australian Journal of Education, Vol 43, No. 1, 1999, 72-86
- [8]. Nguyễn Cảnh Toàn, 2002. *Tuyển tập tác phẩm: Tự giáo dục, tự nghiên cứu, tự học (tập 1)*. Nhà xuất bản Trung tâm Văn hóa và Ngôn ngữ Đông Tây. Hà Nội, trang 621.
- [9]. Trần Thị Minh Ngọc, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, tạp chí Lý luận và Truyền thông số 1 tháng 4-2020
- [10]. Hàng Duy Thanh, Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Thanh Sang, Trường Đại học Kiên Giang, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Tập 55, Số chuyên đề: Khoa học Giáo dục (2019): 29-33
- [10]. Ngô Thế Lâm, 2020. *Một số vấn đề lý luận về tự học và kỹ năng tự học của sinh viên ở trường đại học*. Khoa LLCB, trường Đại học Khánh hòa
- [11]. Hồ thị Hoài, 2017. *Kĩ năng tự học của sinh viên ngành Quản lí giáo dục trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại đại học Vinh*
- [12]. Theo Lê Thành Thế, 2018. *Nghiên cứu thực trạng về kỹ năng tự học của sinh viên nội trú*. Khoa Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên.
- [13]. Thái Duy Tuyên, 2003. *Bồi dưỡng năng lực tự học cho học sinh*. Tạp chí Giáo dục, số 74.
- [14]. Nguyễn Kỳ, 2006. *Biến quá trình dạy học thành quá trình tự học*. Tạp chí Giáo dục, số 2.
- [15]. Đặng Vũ Hoạt. *Một số nét về thực trạng, phương pháp dạy học đại học*.
- [16]. Đặng Vũ Hoạt, 1994. *Một số nét về thực trạng, phương pháp dạy học đại học*. Tạp chí Giáo dục, (số 1).
- [17]. Phan Quốc Lâm, 2010. *Tiếp cận vấn đề kĩ năng theo quan điểm tâm lí học hoạt động*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, tháng 11.
- [18]. Tác giả Dương Thị Linh, 2010. *Một số vấn đề về hoạt động tự học của sinh viên trong giai đoạn hiện nay*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, tháng 1.
- [19]. Ngô Thế Lâm, 2020. *Một số vấn đề lý luận về tự học và kỹ năng tự học của sinh viên ở trường đại học*.